TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST Ngày 12 tháng 7 năm 2022 V/v: Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Vỹ.

Bà: Phạm Thị Thấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án huyện An Lão, tỉnh Bình Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về: "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; nơi ĐKNKTT: Thôn 2 (nay là Khu phố 2), thị trấn A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Số nhà 73 C, khu phố B, thị trấn L, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 2 (nay là Khu phố 2), thị trấn A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Quy, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão (Theo Quyết định ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Địa chỉ trụ sở: Thôn 2 (nay là Khu phố 2), thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão: Ông Đặng Thành Quốc, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão (Theo Quyết định ủy quyền số: 262/QĐ-NHCS ngày 04/11/2020) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn H (nay là khu phố H), thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2022, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Bà P và ông T tự tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý sau đó làm lễ ra mắt hai bên gia đình vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, sau khi có 02 con chung thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lý do bà và ông T tính tình không còn hợp nhau, ông T thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà, nên từ năm 2016 cả hai đã không còn chung sống với nhau, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, hiện nay bà P không còn tình cảm yêu thương ông T nữa nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Bà P và ông T có 03 con chung tên Đặng Thị Mỹ L, sinh ngày 20/11/1995, Đặng Duy L, sinh ngày 07/8/1999 và Đặng Ngọc L, sinh ngày 26/8/2009, hiện nay con Đặng Ngọc L đang sống với ông T. Khi ly hôn theo nguyện vọng của Đặng Ngọc L muốn ở cùng với ông T, nên bà P đồng ý giao Đặng Ngọc L cho ông Đặng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành, bà không cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn Đặng Thị Mỹ L và Đặng Duy L đã trưởng thành, tự lo cuộc sống của bản thân, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng có 01 diện tích đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 11, diện tích 161 m^2 tọa lạc tại thôn G, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; 01 ngôi nhà và đất tọa lạc tại thôn 2, thị trấn An Lão, huyện An Lão chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng đất, phần nhà này bà và ông T thỏa thuận không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

+ Về khoản nợ: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì bà P đã trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão 18.750.000đ tiền vay sinh viên còn nợ và trả cho ông Hồ Văn T ở thôn 2, thị trấn A, huyện An Lão

1.200.000đ; nợ tiền cám cò bà Nguyễn Thị H, ở thôn H, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định số tiền 15.000.000đ nhưng đã trả 8.000.000đ, còn nợ lại 7.000.000đ.

Khi ly hôn bà P xin nhận sử dụng thửa đất tại thôn G, thị trấn An Lão để sau này làm nhà cho bà và con có nơi ở, bà có trách nhiệm thối lại cho ông T số tiền chênh lệch 100.000.000 đồng, thời hạn bà giao tiền cho ông T là vào ngày 15/10/2022. Về khoản nợ của Ngân hàng và ông T đã trả xong không yêu cầu Tòa án giải quyết, về số tiền nợ bà H 7.000.000 đồng bà đồng ý tiếp tục trả cho bà H.

Tại biên bản ghi lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T thống nhất như bà P trình bày về thời gian tìm hiểu và chung sống của hai người, ông và bà P không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lý do ông và bà P tính tình không còn hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau trong thời gian dài, 5-6 năm nay cả hai không còn sống chung với nhau, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, nay ông T cũng không còn tình cảm yêu thương bà P, nên ông cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà P là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Ông T và bà P có 03 con chung như lời bà P trình bày là đúng. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của Đặng Ngọc L muốn ở cùng ông thì ông đồng ý nhận chăm sóc, nuôi dưỡng Đặng Ngọc L đến trưởng thành, ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn con Đặng Thị Mỹ L và Đặng Duy L đã trưởng thành, tự lo cuộc sống của bản thân, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 11, diện tích 161 m^2 tọa lạc tại thôn Gò Bùi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; 01 ngôi nhà và đất tọa lạc tại thôn 2, thị trấn An Lão, huyện An Lão chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng đất, nhà và đất này ông T bà P đã bán chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về các khoản nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão, nợ ông Hồ Văn T bà P đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tiền nợ bà H, bà P đồng ý tiếp tục trả 7.000.000 đồng thì ông đồng ý để bà P trả nợ cho bà H.

Khi ly hôn ông T đồng ý giao cho bà P sử dụng thửa đất tại thôn Gò Bùi, thị trấn An Lão. Ông đồng ý để bà Phượng thối lại cho ông số tiền chênh lệch là 100.000.000 đồng. Ông T đồng ý thời gian bà P giao tiền cho ông là vào ngày 15/10/2022.

Tại biên bản ghi lời khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà P, ông T

khi nuôi heo có mua cám cò của bà, số tiền bà P đã trả hiện nay còn nợ là 7.000.000đ, khi ly hôn bà P nhận trả số tiền nợ này thì bà đồng ý để bà P trả nợ cho bà, bà sẽ để bà P trả dần, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão ông Đặng Thành Quốc trình bày: Vợ chồng bà P, ông T còn nợ Ngân hàng số tiền 18.750.000đ, số tiền này vay chế độ sinh viên, nhưng hiện nay bà P đã trả xong số tiền nợ cho Ngân hàng, ông T, bà P không còn nợ Ngân hàng nữa nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng thường trú cho biết: Bà P và ông T chung sống với nhau đã lâu, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương, mâu thuẫn giữa hai người là do ông T đánh đập bà P, bà P có mời chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T là vợ chồng;

- Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung Đặng Ngọc L cho ông Đặng Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét;

- Về chia tài sản và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận. Giao cho bà Nguyễn Thị P sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 11, diện tích 161 m^2 tọa lạc tại thôn Gò Bùi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, bà Phượng có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tiền chênh lệch cho ông T là 100.000.000 đồng vào ngày 15/10/2022 và có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ là 7.000.000 đồng.

- Về số tiền xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng bà P đồng ý chịu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà P và ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: "Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung", giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Đặng Văn T, cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đặng Thành Quốc là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Đặng Văn T là bị đơn, bà Nguyễn Thị H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994. Tại thời điểm chung sống, bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù bà P và ông T đã có thời gian chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư

Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T là vợ chồng.

[2.1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án giữa bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T đều thừa nhận vợ chồng ông bà có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Xét thấy, bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T cũng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người là trầm trọng. Hôn nhân của ông bà thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Đặng Văn T là vợ chồng là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Phượng và ông T có 03 con chung tên Đặng Thị Mỹ L, sinh ngày 20/11/1995, Đặng Duy L, sinh ngày 07/8/1999 và Đặng Ngọc L, sinh ngày 26/8/2009, hiện nay Đặng Ngọc L đang sống cùng ông T. Khi ly hôn theo nguyện vọng của Đặng Ngọc L mong muốn ở cùng với ông T, ông T cũng đồng ý nhận chăm sóc, nuôi dưỡng Đặng Ngọc L đến trưởng thành, ông không yêu cầu bà P cấp dưỡng tiền nuôi con thì bà cũng đồng ý giao Đặng Ngọc L cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Xét nguyện vọng của cháu L và sự thỏa thuận của hai bên hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định, giao Đặng Ngọc L cho ông T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2.1] Đối với Đặng Thị Mỹ L và Đặng Duy L đã trưởng thành, tự lo cuộc sống của bản thân, có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T cùng thừa nhận hiện nay vợ chồng chỉ có 01 thửa đất số 325, tờ bản đồ số 11, diện tích 161 m^2 tọa lạc tại thôn Gò Bùi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định và còn nợ bà Nguyễn Thị H 7.000.000 đồng. Bà P yêu cầu được quyền sử dụng, định đoạt 01 thửa đất trên và có nghĩa vụ thối lại cho ông T số tiền chênh lệch 100.000.000 đồng vào ngày 15/10/2022 ông T đồng ý, đối với khoản nợ của bà Hiền, bà P đồng ý trả thì ông T, bà H đều thống nhất. Xét thấy việc thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung là tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận

[2.3.1] Riêng khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện An Lão và ông Hồ Văn Thọ đã trả xong không đặt ra để giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí HNGĐ và DSST: Bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng là 2.000.000 đồng, tại phiên tòa, bà P tự nguyện chịu hết số tiền chi phí này, không yêu cầu ông T phải thanh toán lại nên HĐXX miễn xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 2, 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16, 53, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Đặng Văn T vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Đặng Ngọc L, sinh ngày 26/8/2009 cho ông Đặng Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

3.1. Ông Đặng Văn T giao cho bà Nguyễn Thị P toàn quyền định đoạt quyền sử dụng đất tại thửa đất số 325, tờ bản đồ số 11, diện tích 161 m^2 tọa lạc tại thôn Gò Bùi, thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 559585, số vào sổ cấp GCN: CH00333 do Ủy ban nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định cấp ngày 14/3/2014 cấp cho ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị P.

3.2. Bà Nguyễn Thị P thanh toán cho ông Đặng Văn T số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời hạn giao tiền vào ngày 15/10/2022.

3.3. Bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí l hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 đồng (7.000.000 đồng x 5%). Tổng cộng là 650.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 001044 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Bà P còn phải nộp tiếp 350.000 đồng.

4.2. Ông Đặng Văn T phải chịu án phí DSST tương ứng với số tiền được nhận là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/7/2022). Ông Đặng Văn T, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện An Lão;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA DS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Văn Huy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**